

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHI LĂNG
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/HNGĐ-ST
Ngày 06-4-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHI LĂNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phan Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phùng Thị Thu;

Ông Chu Văn Tiếp.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Phần - Thư ký Toà án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Bà Âu Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 62/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2023/QĐXX-ST ngày 14 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2023/QĐST-HNGĐ ngày 31/3/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vi Thị M, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn L, xã Q, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Bị đơn: Anh Hoàng Văn H1, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn L, xã Q, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Vi Thị M trình bày và yêu cầu Toà án giải quyết các nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hoàng Văn H1 kết hôn vào ngày 23 tháng 10 năm 2007 trên cơ sở tự nguyện, trước khi kết hôn được tìm hiểu khoảng 04 tháng, sau đó được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Sau kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng hơn 13 năm, đến năm 2021 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Hoàng Văn H1 thường xuyên uống rượu say, không chịu làm ăn lo toan gia đình, giúp đỡ vợ con, chị có khuyên bảo nhiều lần nhưng anh H1 không nghe mà có hành động chửi bới, dọa dẫm chị, dẫn đến vợ chồng cãi nhau, chị vẫn cố gắng chịu đựng để nuôi dạy con cái phát triển kinh tế gia đình, nhưng do anh Hoàng Văn H1 vẫn uống rượu dẫn đến vợ chồng tiếp tục cãi nhau, trong lúc nóng giận anh Hoàng Văn H1 còn đánh và bóp cổ chị. Do sợ hãi nên cuối tháng 12 năm 2021 chị đã bỏ về bên ngoại sinh sống từ đó cho đến nay vợ chồng sống ly thân, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh Hoàng Văn H1 nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung, cháu Hoàng Ngọc H2, sinh ngày 20 tháng 11 năm 2008; cháu Hoàng Ngọc D, sinh ngày 07 tháng 12 năm 2011. Chị Vi Thị M yêu cầu được nuôi cả 02 con và không yêu cầu anh Hoàng Văn H1 cấp dưỡng nuôi con. Chị Vi Thị M cung cấp sao kê tài khoản bảng xác nhận lương hàng tháng; giấy xác nhận chia đất đảm bảo để mẹ con sinh sống và không ảnh hưởng đến môi trường học tập của các con để chứng minh điều kiện về nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Theo lời khai của chị Vi Thị M, anh Hoàng Văn H1 trong cuộc sống vợ chồng không tạo lập được khối tài sản chung.

Ý kiến của cháu Hoàng Ngọc H2 và cháu Hoàng Ngọc D: 02 cháu đều có nguyện vọng mong muốn bố mẹ quay về đoàn tụ nuôi dạy các cháu, nếu buộc phải ly hôn thì hai cháu có nguyện vọng xin ở với mẹ.

Tại Biên bản lấy lời khai bị đơn anh Hoàng Văn H1 cho biết: Về điều kiện kết hôn như chị Vi Thị M trình bày là đúng, trước khi kết hôn anh chị có thời gian tự nguyện tìm hiểu khoảng 01 năm thì được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Sau kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 13 năm không có mâu thuẫn gì xảy ra. Đến đầu năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, có lần anh không kiềm chế được bản thân nên anh đã bóp cổ chị Vi Thị M. Anh và chị Vi Thị M đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay, từ khi hai vợ sống ly thân anh và chị M không quan tâm hỏi han gì đến nhau. Nay chị Vi Thị M yêu cầu ly hôn anh thấy vẫn còn tình cảm, không muốn ly hôn, mong muốn chị Vi Thị M quay lại đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái trưởng thành.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung, cháu Hoàng Ngọc H2, sinh ngày 20 tháng 11 năm 2008; cháu Hoàng Ngọc D, sinh ngày 07 tháng 12 năm 2011.

Nếu phải ly hôn anh yêu cầu được nuôi cả 02 con và yêu cầu chị Vi Thị M cấp dưỡng nuôi mỗi con mỗi tháng 1.000.000 đồng, cho đến khi hai con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, Tòa án triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ nhiều lần nhưng anh Hoàng Văn H1 cố tình vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được về yêu cầu đối với ly hôn, con chung và tài sản chung. Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng anh Hoàng Văn H1 không có mặt nên đã thông báo kết quả cho anh Hoàng Văn H1 được biết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật: Về tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự; Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật; không có kiến nghị gì về thủ tục tố tụng. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vi Thị M, xử cho chị Vi Thị M ly hôn với anh Hoàng Văn H1 và chị Vi Thị M được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con Hoàng Ngọc H2; cháu Hoàng Ngọc D cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh Hoàng Văn H1 không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Vi Thị M không yêu cầu, chị Vi Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Các tài liệu, chứng cứ trong vụ án gồm: Giấy chứng nhận kết hôn; giấy tờ tùy thân; giấy khai sinh của hai con chung; các biên bản giao nhận văn bản tố tụng; giấy xác nhận chia đất; xác nhận tài khoản lương.

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và các tình tiết mà các bên đã thống nhất: Anh Hoàng Văn H1 và chị Vi Thị M có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền và có hai con Hoàng Ngọc H2; cháu Hoàng Ngọc D.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không tiến hành hoà giải được do anh Hoàng Văn H1 được thông báo hợp lệ lần thứ hai nhưng cố tình không đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng anh Hoàng Văn H1 vắng mặt tại phiên toà không có lý do. Kiểm sát viên, nguyên đơn không có ý kiến gì về sự vắng mặt của bị đơn và yêu cầu phiên toà được tiếp tục. Xét thấy, sự vắng mặt của bị đơn không gây cản trở cho việc xét xử nên Hội đồng xét

xử quyết định vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vi Thị M và anh Hoàng Văn H1 kết hôn vào ngày 23 tháng 10 năm 2007 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện C, tỉnh Lạng Sơn nên cuộc hôn nhân này là hợp pháp. Tuy nhiên, cuộc sống chung của vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân do vợ chồng không tin tưởng nhau, thường xuyên cãi vã là do anh Hoàng Văn H1 thường xuyên uống rượu, không chịu tu chí làm ăn, anh chị đã không còn sống chung từ cuối năm 2021, việc này đã được thể hiện trong các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị Vi Thị M và anh Hoàng Văn H1 đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Vi Thị M yêu cầu ly hôn với anh Hoàng Văn H1 là có căn cứ quy định tại Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Vi Thị M và anh Hoàng Văn H1 có 02 con chung là Hoàng Ngọc H2, sinh ngày 20 tháng 11 năm 2008 và Hoàng Ngọc D, sinh ngày 07 tháng 12 năm 2011. Chị Vi Thị M yêu cầu được nuôi cả hai con. Xét yêu cầu của chị Vi Thị M về người trực tiếp nuôi cả hai cháu khi ly hôn là có căn cứ, vì chị Vi Thị M đã cung cấp mức thu nhập ổn định hàng tháng từ 8.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng, gia đình bên ngoại hỗ trợ chị về chỗ ở gần với trường học nơi các con chị đang theo học, do đó, việc giao hai con cho chị Vi Thị M sẽ đảm bảo được về điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc và học tập cho các con, việc này phù hợp với nguyện vọng của các con nên cần chấp nhận yêu cầu nuôi hai con của chị Vi Thị M. Anh Hoàng Văn H1 không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Vi Thị M không yêu cầu.

Đối với yêu cầu nuôi hai con của anh Hoàng Văn H1: Tòa án đã thông báo về việc giao nộp tài liệu, chứng cứ chứng minh về nhà ở, thu nhập cá nhân, điều kiện kinh tế, nghề nghiệp nhưng anh Hoàng Văn H1 không cung cấp cho Tòa án nên không đủ điều kiện nuôi con, vì vậy yêu cầu được nuôi hai con của anh Hoàng Văn H1 không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Vi Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; các Điều 266, 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 19, khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vi Thị M ly hôn với anh Hoàng Văn H1.

2. Về con chung: Chị Vi Thị M được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con là Hoàng Ngọc H2, sinh ngày 20 tháng 11 năm 2008 và Hoàng Ngọc D, sinh ngày 07 tháng 12 năm 2011, từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi các con đủ 18 tuổi. Anh Hoàng Văn H1 không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Vi Thị M phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm để nộp ngân sách nhà nước. Xác nhận chị Vi Thị M đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Lạng Sơn, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0003251 ngày 01-12-2022.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện C;
- UBND xã Q, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Thị Thanh Huyền